

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2022/DS-ST**
Ngày: 17-6-2022
V/v tranh chấp về hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Trường Phát**.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Tịnh Thới**.

2. Ông **Phạm Ngọc Lộc**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Lý** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị T**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số 213, Khu 2, ấp Đ, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Huy H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 1C, Khu phố 1, phường T, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: số 4/3 ND, Khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 12/6/2021).

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị Lệ N**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu 3, ấp Đ, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu 3, ấp Đ, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn T: Bà **Phạm Thị Lệ N**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu 3, ấp Đ, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 04/01/2022).

2. Bà **Phạm Thị Mỹ L**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm 1, Thôn 2, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở: 4/28A Khu phố 2, phường Đ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Nguyễn Huy H, bà Phạm Thị Lệ N và bà Phạm Thị Mỹ L có mặt; bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Văn T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại các đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Huy H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Ngày 01/11/2019, bà Phạm Thị Lệ N có vay của bà Bùi Thị T số tiền 350.000.000 đồng, việc vay mượn có lập Giấy mượn nợ bằng văn bản. Theo thỏa thuận, tiền lãi là 2%/tháng, thời hạn vay là 01 năm và bà Bùi Thị T đã giao đầy đủ tiền vay cho bà Phạm Thị Lệ N. Sau khi hết thời hạn vay, do tình hình dịch bệnh, bà Phạm Thị Lệ N làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả nợ nên bà Bùi Thị T chấp nhận cho bà Phạm Thị Lệ N trả hàng tháng từ 50.000.000 đồng cho đến 70.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 12/3/2021.

Đến tháng 4/2021, khi đến hạn trả tiền vay, bà Bùi Thị T đã nhiều lần yêu cầu bà Phạm Thị Lệ N phải trả tiền vay như đã thỏa thuận nhưng bà Phạm Thị Lệ N lấy lý do đang khó khăn nên xin khất nợ thêm thời gian. Do trễ hạn thanh toán tiền vay quá lâu như đã cam kết nên bà Bùi Thị T đã nhiều lần gặp trực tiếp cũng như gọi điện thoại yêu cầu bà Phạm Thị Lệ N trả tiền vay nhưng bà Phạm Thị Lệ N hứa trả lần này sang lần khác mà vẫn không thực hiện. Về sau, khi bà Bùi Thị T yêu cầu thì bà Phạm Thị Lệ N né tránh và không trả tiền vay cho bà Bùi Thị T.

Từ khi vay tiền cho đến nay, bà Phạm Thị Lệ N chưa trả lãi cho bà Bùi Thị T được tháng nào. Do bà Phạm Thị Lệ N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo giấy mượn nợ lập ngày 01/11/2019 là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Bùi Thị T, vì vậy bà Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Lệ N cùng chồng là ông Nguyễn Văn T trả lại cho bà Bùi Thị T số tiền nợ gốc đã vay là 350.000.000 đồng; yêu cầu vợ chồng bà Phạm Thị Lệ N phải trả tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 2%/tháng tính từ ngày 01/11/2019 và trả tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn là 3%/tháng tính từ ngày 12/3/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với số tiền lãi bà Bùi Thị T đã nhận là 86.000.000 đồng, đây là số tiền lãi bà Phạm Thị Lệ N thanh toán cho các khoản vay từ năm 2018 trở về trước, bà Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét đối với các khoản vay cũng như tiền lãi đối với các lần vay này. Ngoài ra bà Bùi Thị T không yêu cầu gì khác.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phạm Thị Lệ N là bị đơn và là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Bà với bà Bùi Thị T là chỗ quen biết, bà Bùi Thị T là người có điều kiện về kinh tế và có cho người khác vay tiền nên bà đứng ra vay tiền giúp em gái là bà Phạm Thị Mỹ L. Bà vay tiền của bà Bùi Thị T từ cuối năm 2018 cho đến cuối năm 2019. Trong thời gian này, bà vay bao gồm cả tiền vay ngày và tiền vay tháng. Các khoản tiền vay ngày đều được bà Phạm Thị Mỹ L thanh toán đủ.

Đối với số tiền vay tháng thì bà vay giúp bà Phạm Thị Mỹ L 03 lần tổng số tiền là 450.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 9999. Lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 3%/tháng. Tiền lãi của vàng thì tính như vay tiền với mức lãi 3%/tháng trên số giá vàng thời điểm vay, cụ thể là 3.000.000 đồng/chỉ của 10 chỉ vàng vay đầu tiên và 5.200.000 đồng/chỉ của 15 chỉ vàng vay lần 2. Thời hạn vay không thỏa thuận cụ thể, chỉ ghi nhận trong giấy tại thời điểm vay là khi nào cần thì bà Bùi Thị T báo trước vài tháng để bà Phạm Thị Mỹ L thanh toán.

Từ khi vay cho đến ngày 30/7/2020, bà Phạm Thị Mỹ L đã nhiều lần thanh toán tiền lãi vay cho bà Bùi Thị T. Khi nhận tiền lãi, bà Bùi Thị T không ghi biên nhận hay giấy tờ gì, chỉ có bà ghi vào sổ để tiện theo dõi, trong đó có ghi 02 lần thanh toán tiền lãi với tổng số tiền là 86.000.000 đồng, cụ thể: ngày 01/8/2019 thanh toán 26.000.000 đồng tiền lãi và ngày 30/7/2020 thanh toán 60.000.000 đồng tiền lãi. Cùng ngày 30/7/2020, bà Phạm Thị Mỹ L thanh toán cho bà Bùi Thị T được 100.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Ngày 17/10/2020, bà Phạm Thị Mỹ L gom được 25 chỉ vàng thanh toán cho bà Bùi Thị T. Các bên thỏa thuận viết lại giấy nợ với số tiền nợ gốc còn lại là 350.000.000 đồng và thỏa thuận cho bà Phạm Thị Mỹ L thanh toán dần nợ gốc mỗi tháng từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng cho đến khi nào thanh toán xong nợ gốc. Sau khi thanh toán xong nợ gốc sẽ quay lại thanh toán tiền lãi cho số tiền nợ của 350.000.000 đồng với mức lãi vẫn là 3%/tháng, số tiền lãi này sẽ giảm dần theo số nợ gốc mà bà Phạm Thị Mỹ L thanh toán được. Tuy nhiên, từ ngày 17/10/2020 đến nay bà Phạm Thị Mỹ L không thanh toán được khoản tiền nào khác cho bà Bùi Thị T.

Bà Phạm Thị Mỹ L là người sử dụng tiền vay, bà Bùi Thị T cũng biết bà là người vay giúp cho bà Phạm Thị Mỹ L. Do bà là người đứng ra vay tiền nên tại phiên tòa hôm nay bà đồng ý đứng ra thanh toán số nợ này cho bà Bùi Thị T. Bà Phạm Thị Mỹ L sẽ có trách nhiệm hỗ trợ cho bà trong việc thanh toán nợ cho bà Bùi Thị T. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì về số tiền lãi đã thanh toán, bà đề nghị Tòa án xem xét cho bà được trả theo mức lãi suất của nhà nước quy định. Chồng bà là ông Nguyễn Văn T không biết việc bà vay tiền giúp cho bà Phạm Thị Mỹ L nên đề nghị Tòa án không buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cùng bà thanh toán số nợ này.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ L trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà Phạm Thị Lệ N về việc vay nợ, thanh toán tiền lãi và cam kết trả nợ như lời trình bày của bà Phạm Thị Lệ N. Bà là người vay khoản tiền này nên bà có nghĩa vụ hỗ trợ bà Phạm Thị Lệ N trả nợ cho bà Bùi Thị T. Do không có chứng cứ chứng minh cụ thể số tiền lãi đã trả, nên

bà không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với khoản tiền lãi đã trả. Bà đề nghị Tòa án xem xét cho bà Phạm Thị Lệ N được trả theo mức lãi suất của nhà nước quy định.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:*

Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự cơ bản đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: áp dụng các điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tuyên buộc bà Phạm Thị Lệ N trả cho bà Bùi Thị T số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền 350.000.000 đồng từ ngày 01/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/6/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Lệ N thanh toán tiền vay; hiện nay bà Phạm Thị Lệ N đang cư trú tại ấp Đ, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai nên quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Bùi Thị T khởi kiện bà Phạm Thị Lệ N, nên bà Bùi Thị T là nguyên đơn. Bà Bùi Thị T có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Huy H làm người đại diện, văn bản ủy quyền đúng theo quy định pháp luật nên chấp nhận.

Bà Bùi Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn T là chồng bà Phạm Thị Lệ N có nghĩa vụ cùng bà Phạm Thị Lệ N thanh toán nợ vay, nên ông Nguyễn Văn T tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông Nguyễn Văn T có văn bản ủy quyền cho bà Phạm Thị Lệ N làm người đại diện, văn bản ủy quyền đúng theo quy định pháp luật nên chấp nhận.

Quá trình thu thập chứng cứ, bà Phạm Thị Lệ N cho rằng bà Phạm Thị Mỹ L là người vay tiền và đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị Mỹ L có trách nhiệm thanh toán nợ vay, bà Phạm Thị Mỹ L cũng thừa nhận là người vay tiền và chấp nhận thanh toán nợ vay nên bà Phạm Thị Mỹ L tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu đối với số tiền nợ gốc của nguyên đơn:

Bà Bùi Thị T cung cấp Giấy mượn nợ ký ngày 01/11/2019 có chữ ký xác nhận của bà Phạm Thị Lệ N. Giấy mượn nợ thể hiện nội dung bà Phạm Thị Lệ N xác định số tiền còn nợ bà Bùi Thị T từ ngày 01/11/2019 là 350.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Phạm Thị Lệ N thừa nhận có ký giấy mượn nợ nêu trên và hiện nay còn nợ bà Bùi Thị T số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng; tại phiên tòa, bà Phạm Thị Lệ N cũng đồng ý đứng ra thanh toán nợ còn lại cho bà Bùi Thị T. Do đó, buộc bà Phạm Thị Lệ N có trách nhiệm thanh toán nợ vay cho bà Bùi Thị T với số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng là phù hợp.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi của nguyên đơn:

Do bà Phạm Thị Lệ N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay nên phải chịu trách nhiệm thanh tiền lãi theo quy định pháp luật.

Giấy mượn nợ đề ngày 01/11/2019 thể hiện mức lãi suất các bên thỏa thuận là 2%/tháng, tuy nhiên bà Phạm Thị Lệ N và bà Phạm Thị Mỹ L cho rằng mức lãi suất thực tế các bên thỏa thuận là 3%/tháng, nhưng bà Phạm Thị Lệ N và bà Phạm Thị Mỹ L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, lời trình bày của bà Phạm Thị Lệ N và bà Phạm Thị Mỹ L không được phía nguyên đơn thừa nhận, do đó không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà Phạm Thị Lệ N và bà Phạm Thị Mỹ L, đồng thời xác định mức lãi suất theo ghi nhận tại Giấy mượn nợ đã ký kết ngày 01/11/2019 là 2%/tháng là phù hợp.

Do mức lãi suất vay là 2%/tháng này vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên cần phải điều chỉnh lại theo mức lãi suất 20%/năm để xác định số tiền lãi bà Phạm Thị Lệ N phải thanh toán cho bà Bùi Thị T cho phù hợp với quy định pháp luật.

Về thời hạn thanh toán nợ vay: bà Phạm Thị Lệ N cho rằng các bên thỏa thuận vay không xác định thời hạn là không phù hợp với nội dung đã được ghi nhận tại Giấy mượn nợ đề ngày 01/11/2019 và không được phía nguyên đơn thừa nhận. Tuy nhiên, Giấy mượn nợ đề ngày 01/11/2019 thể hiện thời hạn vay là 01 năm, nhưng vì tình hình dịch bệnh, các bên đã thống nhất cho bà Phạm Thị Lệ N thanh toán dần nợ gốc hàng tháng và bà Phạm Thị Lệ N bắt đầu thanh toán từ ngày 12/3/2021. Do các bên đã thống nhất thỏa thuận thanh toán dần nợ gốc, không thỏa thuận thời hạn cụ thể phải thanh toán xong nợ, nên đã đủ cơ sở xác định việc vay nợ này là không xác định thời hạn thanh toán, vì vậy không chấp nhận yêu cầu tính lãi quá hạn của nguyên đơn, chỉ chấp nhận tiền lãi chậm trả của khoản vay 350.000.000 đồng từ ngày vay 01/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/năm là phù hợp.

Do đó, số tiền lãi được xác định cụ thể như sau: Tiền lãi trên nợ gốc 350.000.000 đồng từ ngày 01/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/6/2022 (956 ngày) là: $350.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/365 \text{ ngày}) \times 956 \text{ ngày} = 183.342.465 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi chưa trả buộc bà Phạm Thị Lệ N phải thanh toán cho bà Bùi Thị T sau khi được làm tròn là 533.342.000 đồng (350.000.000 đồng + 183.342.000 đồng).

Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Lệ N đều khẳng định ông Nguyễn Văn T không biết gì về việc bà Phạm Thị Lệ N đứng ra vay nợ giúp bà Phạm Thị Mỹ L. Phía nguyên đơn không thừa nhận, tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ bà Phạm Thị Lệ N và bà Phạm Thị Mỹ L cung cấp để đủ cơ sở xác định việc bà Phạm Thị Lệ N vay tiền giúp bà Phạm Thị Mỹ L đã được phía nguyên đơn biết rõ. Bà Phạm Thị Lệ N chỉ vay tiền giúp cho bà Phạm Thị Mỹ L có vốn kinh doanh, không mục đích đầu tư kinh doanh cho gia đình cũng như không nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, do đó không buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới cùng bà Phạm Thị Lệ N thanh toán tiền vay cho bà Bùi Thị T là phù hợp với quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014.

[4] Về án phí: bà Phạm Thị Lệ N có nghĩa thanh toán nợ vay cho bà Bùi Thị T với số tiền gốc và lãi là 533.342.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.334.000 đồng [20.000.000 đồng + (133.342.000 đồng x 4%)].

Theo đơn khởi kiện, bà Bùi Thị T yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Lệ N thanh nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn với tổng số tiền là 567.000.000 đồng, tuy nhiên do yêu cầu của bà Bùi Thị T chỉ được chấp nhận một phần, không chấp nhận đối với yêu cầu tính lãi quá hạn nên bà Bùi Thị T phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là 1.683.000 đồng [(567.000.000 đồng - 533.342.000 đồng) x 5%]. Hoàn trả phần tạm án phí chênh lệch cho bà Bùi Thị T.

[5] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T.

Buộc bà Phạm Thị Lệ N thanh toán cho bà Bùi Thị T số tiền 533.342.000 đồng (*Năm trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (*Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật*) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí:

Bà Phạm Thị Lệ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.334.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn đồng*).

Bà Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.683.000 đồng (*Một triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 13.760.000 đồng (*Mười ba triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006787 ngày 14/6/2021 và số 0006042 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, bà Bùi Thị T được hoàn trả lại số

tiền chênh lệch là 12.077.000 đồng (*Mười hai triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn đồng*).

Bà Bùi Thị T, bà Phạm Thị Lệ N, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Mỹ L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS huyện Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Trường Phát

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thịnh Thới

Phạm Ngọc Lộc

Nguyễn Trần Trường Phát

